

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỐ LIỆU THỰC
HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
CỦA CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025:

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025 đã được phê duyệt (theo mẫu số 03 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

2. Hình thức công khai:

- Đối với Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai trên cổng thông tin điện tử Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật <https://www.ppd.gov.vn/>, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bao gồm: 9 Chi Cục và 10 Trung tâm: 19/19 niêm yết công khai tại trụ sở làm việc;

3. Thời điểm công khai: Ngày 14/7/2025

II. Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

Tổng thu NSNN (thu phí) ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025: 91.448 triệu đồng đạt 62% so với dự toán giao năm 2025 bằng 122% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tình hình thực hiện thu của các loại phí như sau:

+ Phí kiểm dịch thực vật thực hiện 6 tháng đầu năm 2025: 76.019 triệu đồng đạt 59% so với dự toán giao bằng 109% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí giám sát khử trùng: 2.338 triệu đồng đạt 44% dự toán, bằng 98% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuộc BVTV: 11.132 triệu đồng đạt 122,05% so với dự toán bằng 265% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch: 132 triệu đồng đạt 92% dự toán bằng 366% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuộc BVTV: 87 triệu đồng đạt 87% bằng 580% so với cùng kỳ năm trước.

+Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB: 229 triệu đồng đạt 44% so với dự toán; bằng 204% so với cùng kỳ năm trước.

+Phí Bảo hộ giống cây trồng: 1.511 triệu đồng đạt 37,78% dự toán.

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại 6 tháng đầu năm 2025:

Tổng chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại: 60.459 triệu đồng. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp: 48.985 triệu đồng bằng 113% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi quản lý hành chính: 11.474 triệu đồng đạt 27% dự toán bằng 40% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025:

Tổng số phí nộp ngân sách nhà nước: 27.260 triệu đồng đạt 42% so với dự toán bằng 121% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước:

* Chi quản lý hành chính:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 103.570 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2025: 29.815 triệu đồng đạt 29 % so với dự toán.

* Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 3.380 triệu đồng.

* Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 2.300 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 25 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí hoạt động dự trữ quốc gia:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 13.000 triệu đồng.

Các nhiệm vụ này 6 tháng đầu năm 2025 đang thực hiện

* Chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 24.677 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2025: 1.107 triệu đồng đạt 4 % so với dự toán.

* Nguồn vốn viện trợ:

- Kinh phí được giao: 327,3 triệu đồng, thực hiện 313,3 triệu đồng, đạt 96% so với dự toán.

(Chi tiết theo biểu số 3-Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính kèm theo).

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh số thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên trang TTĐT;
- Lưu VT, TC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nghiêm Quang Tuấn

Đơn vị: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 012

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	255.060	179.167	70%	105%
I	Số thu phí, lệ phí	147.650	91.448	62%	119%
1	Lệ phí				
2	Phí	147.650	91.448	62%	119%
	Phí kiểm dịch thực vật	128.150	76.019	59%	109%
	Phí giám sát khử trùng	5.350	2.338	44%	98%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	9.121	11.132	122%	265%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	144	132	92%	367%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	100	87	87%	580%
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	110	0	0%	0%
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	525	229	44%	204%
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	4.000	1.511	38%	
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	150	0	0%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại	41.725	60.459	145%	68%
1	Chi sự nghiệp	0	48.985		113%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		46.573		124%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.412		18%
2	Chi quản lý hành chính	41.725	11.474	27%	40%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	34.898	8.121	23%	40%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.827	3.353	49%	40%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	65.685	27.260	42%	121%
1	Lệ phí	0	0	0%	0%
	Lệ phí	0	0	0%	0%
2	Phí	65.685	27.260	42%	121%
	Phí kiểm dịch thực vật	57.168	22.805	40%	109%
	Phí giám sát khử trùng	1.669	701	42%	98%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	5.440	3.340	61%	477%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	95	40	42%	220%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	70	26		
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	85	0		
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	328	46		
	Phí xét tuyển viên chức	0	0		
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	800	302	38%	400%
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	30	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	147.279	31.608	21%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	146.952	31.295	21%	
1	Chi quản lý hành chính	103.570	29.815	29%	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.781	26.771	29%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.789	3.044	31%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (100-101)	3.380	371	11%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.380	371	11%	290%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-134)	2.300	2	0,1%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.300	2	0,1%	8636%
4	Chi hoạt động kinh tế (280-281)	24.677	1.107	4%	50%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.677	1.107	4%	64%
5	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ (070-085)	25	0	0%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25	0	0%	
6	Hoạt động dự trữ quốc gia (280-331)	13.000	0	0%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.000	0	0%	
II	Nguồn vốn viện trợ	327,3	313,3	96%	
1	Chi hoạt động kinh tế	327,3	313,3	96%	
1.1	Dự án phi dự án “Đánh giá tác động của việc trồng xen trong vườn cà phê đến sinh vật gây hại chính và thúc đẩy sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm để phát triển sản xuất cà phê bền vững tại các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam	327,3	313,3	96%	

Ngày 14 tháng 7 năm 2025



Nghiêm Quang Tuấn